

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ AN PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ AN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN PHAT ARCHITECTURE AND TRADING SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN PHAT ARCHITECTURE., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110345021

**3. Ngày thành lập:** 09/05/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 43, Hẻm 38, Ngách 236, Ngõ 8 Đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0586076789

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết :<br>-Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước<br>-Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                    | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4390     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết :<br>-Bán buôn vải<br>-Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác<br>-Bán buôn hàng may mặc<br>-Bán buôn giày dép                                                                                                                            | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết :<br>-Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>-Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>-Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>-Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>-Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn quặng kim loại<br>-Bán buôn sắt, thép<br>-Bán buôn kim loại khác<br>(Trừ vàng, bạc và kim loại quý khác )                                                                                                                                                                                               | 4662        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết :<br>-Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>-Bán buôn xi măng<br>-Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>-Bán buôn kính xây dựng<br>-Bán buôn sơn, vécni<br>-Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>-Bán buôn đồ ngũ kim<br>-Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663        |
| 9.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết :<br>-Hoạt động kiến trúc<br>-Hoạt động đo đạc và bản đồ<br>-Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước<br>-Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác<br>( Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                               | 7110(Chính) |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7410        |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4101        |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4102        |
| 13. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4221        |
| 14. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4222        |
| 15. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4223        |
| 16. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4229        |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4299        |
| 18. | Phá dỡ<br>(Không bao gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4311        |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4312        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết :<br>-Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4753 |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết :<br>-Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                     | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | PHÙNG PHÚC<br>VINH | Số 43, Hẻm 38,<br>Ngách 236, Ngõ 8<br>Đường Lê Quang<br>Đạo, Phường Phú<br>Đô, Quận Nam<br>Tư Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 120.000       | 1.200.000.000            | 40,000       | 0220980029<br>63                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                      | Tổng số                            | 120.000       | 1.200.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VĂN ĐÌNH<br>HOÀNG  | Khối Phố 7,<br>Phường Đại Nài,<br>Thành phố Hà<br>Tĩnh, Tỉnh Hà<br>Tĩnh, Việt Nam                                                    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 90.000        | 900.000.000              | 30,000       | 0422000118<br>12                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                      | Tổng số                            | 90.000        | 900.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                            |                                    |        |             |        |                  |
|---|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>VĂN THÀNH | Thôn Hồng Nhuệ<br>2, Xã Hoàng<br>Thắng, Huyện<br>Hoàng Hoá, Tỉnh<br>Thanh Hoá, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 90.000 | 900.000.000 | 30,000 | 0380940027<br>23 |
|   |                     |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                            | Tổng số                            | 90.000 | 900.000.000 | 30,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHÙNG PHÚC VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/04/1998

Dân tộc: Dao

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022098002963

Ngày cấp: 24/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Bản Mố Kiệc, Xã Quảng Sơn, Huyện Hải Hà, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 43, Hẻm 38, Ngách 236, Ngõ 8 Đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội